HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH THỪA THIÊN HUẾ	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
Số: 24/2022/NQ-HĐND	*Thừa Thiên Huế, ngày 08 tháng 12 năm 2022*

NGHỊ QUYẾT

Quy định khu vực thuộc nội thành của thành phố, thị xã, thị trấn, khu dân cư không được phép chăn nuôi; Vùng nuôi chim yến và Chính sách hỗ trợ khi di dời cơ sở chăn nuôi ra khỏi khu vực không được phép chăn nuôi trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH THỪA THIÊN HUẾ KHÓA VIII, KỲ HỌP LẦN THỨ 5

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Chăn nuôi ngày 19 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Nghị định số 13/2020/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2020 của Chính phủ hướng dẫn chi tiết Luật Chăn nuôi;

Căn cứ Thông tư số 23/2019/TT-BNNPTNT ngày 30 tháng 11 năm 2019 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn một số điều của Luật Chăn nuôi về hoạt động chăn nuôi;

Xét Tờ trình số 11661/TTr-UBND ngày 04 tháng 11 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc đề ban hành Nghị quyết Quy định khu vực thuộc nội thành của thành phố, thị xã, thị trấn, khu dân cư không được phép chăn nuôi, vùng nuôi chim yến và chính sách hỗ trợ khi di dời cơ sở chăn nuôi ra khỏi khu vực không được phép chăn nuôi trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế; Báo cáo thẩm tra của Ban kinh tế - ngân sách và ý kiến thảo luận của các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị quyết này Quy định khu vực thuộc nội thành của thành phố, thị xã, thị trấn, khu dân cư không được phép chăn nuôi; Vùng nuôi chim yến và Chính sách hỗ trợ khi di dời cơ sở chăn nuôi ra khỏi khu vực không được phép chăn nuôi trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

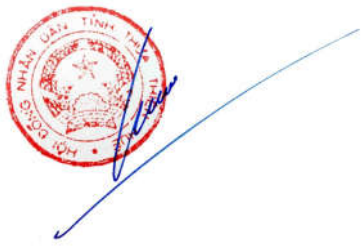
1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện Nghị quyết.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh trong phạm vi, nhiệm vụ, quyền hạn giám sát việc triển khai thực hiện Nghị quyết theo quy định pháp luật.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế khóa VIII, Kỳ họp lần thứ 5 thông qua ngày 08 tháng 12 năm 2022 và có hiệu lực từ ngày 19 tháng 12 năm 2022./.

Nơi nhận:
- Như Điều 2;
- UBTV Quốc hội, Chính phủ;
- Ban Công tác đại biểu;
- Các Bộ: NN&PTNT, Tài chính;
- Cục Kiểm tra VBQPPL (Bộ Tư pháp);
- Thường vụ Tỉnh ủy;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- TT HĐND, UBND các huyện, thị xã và Tp.Huế;
- Công báo tỉnh, Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- VP: Lãnh đạo và các CV;
- Lưu: VT, LT.

CHỦ TỊCH



Lê Trường Lưu

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN **TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY ĐỊNH

Khu vực thuộc nội thành của thành phố, thị xã, thị trấn, khu dân cư không được phép chăn nuôi; Vùng nuôi chim yến và Chính sách hỗ trợ khi di dời cơ sở chăn nuôi ra khỏi khu vực không được phép chăn nuôi trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 24/2022/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

a) Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định khu vực thuộc nội thành của thành phố, thị xã, thị trấn, khu dân cư không được phép chăn nuôi (gọi tắt là khu vực không được phép chăn nuôi); Vùng nuôi chim yến và Chính sách hỗ trợ khi di dời cơ cở chăn nuôi ra khỏi khu vực không được phép chăn nuôi trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế.

b) Đối tượng áp dụng

Các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước có liên quan đến hoạt động chăn nuôi trên địa bàn tỉnh.

Cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan đến Nghị quyết này.

Nghị quyết này không áp dụng đối với trường hợp nuôi động vật làm cảnh, nuôi động vật trong phòng thí nghiệm mà không gây ô nhiễm môi trường.

Điều 2. Quy định khu vực không được phép chăn nuôi

Khu vực không được phép chăn nuôi là khu vực các phường, xã, thị trấn thuộc huyện, thị xã, thành phố Huế và các khu vực khác được quy định theo Phụ lục I đính kèm.

Điều 3. Quy định vùng nuôi chim yến

1. Vùng nuôi chim yến là vùng nằm ngoài khu vực được quy định tại Điều 2 của Nghị quyết này và các địa bàn thuộc khu công nghiệp, khu kinh tế.

2. Cơ sở nuôi chim yến phải tuân thủ các quy định của nhà nước về quản lý nuôi chim yến được quy định cụ thể như sau:

a) Nhà yến, trang thiết bị sử dụng cho hoạt động nuôi chim yến phải bảo đảm phù hợp tập tính hoạt động của chim yến;

b) Có đủ nguồn nước bảo đảm chất lượng cho hoạt động nuôi chim yến, có biện pháp bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường;

c) Có hồ sơ ghi chép và lưu trữ thông tin về hoạt động nuôi chim yến, sơ chế, bảo quản tổ yến bảo đảm truy xuất được nguồn gốc sản phẩm chim yến;

d) Thiết bị phát âm thanh để dẫn dụ chim yến có cường độ âm thanh đo tại miệng loa không vượt quá 70 dBA (đề xi ben A); thời gian phát loa phóng để dẫn dụ chim yến từ 5 giờ đến 11 giờ 30 và từ 13 giờ 30 đến 19 giờ mỗi ngày, trừ trường hợp quy định tại điểm đ khoản này;

đ) Trường hợp nhà yến đã hoạt động trước ngày 05 tháng 3 năm 2020 (ngày Nghị định số 13/2020/NĐ-CP ngày 21/01/2020 của Chính phủ có hiệu lực thi hành) nhưng không đáp ứng quy định tại khoản 1 Điều này thì phải giữ nguyên trạng, không được cơi nới; nhà yến nằm trong khu dân cư, nhà yến cách khu dân cư dưới 300 m thì không được sử dụng loa phóng phát âm thanh;

e) Không săn bắt; không dẫn dụ chim yến để sử dụng vào mục đích khác ngoài mục đích nuôi chim yến để khai thác tổ yến, nghiên cứu khoa học.

3. Khuyến khích tổ chức, cá nhân tự di dời cơ sở nuôi chim yến hoạt động trước ngày Nghị quyết này có hiệu lực và không thuộc vùng nuôi chim yến quy định tại Khoản 1 quy định này. Trường hợp không di dời thì phải giữ nguyên hiện trạng và phải đảm bảo theo quy định tại khoản 2 Điều 3 của Nghị quyết này.

Điều 4. Chính sách hỗ trợ khi di dời cơ sở chăn nuôi, nhà nuôi chim yến ra khỏi khu vực không được phép chăn nuôi

1. Điều kiện hỗ trợ di dời cơ sở chăn nuôi

Cơ sở chăn nuôi phải di dời hoặc chấm dứt hoạt động chăn nuôi, có xác nhận của chính quyền địa phương trước ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành nằm trong khu vực không được phép chăn nuôi quy định tại Điều 2 của Nghị quyết này, có kê khai hoạt động chăn nuôi với Uỷ ban nhân dân cấp xã tại nơi xây dựng cơ sở chăn nuôi di dời đến trước ngày 01 tháng 01 năm 2025.

2. Nguyên tắc hỗ trợ di dời cơ sở chăn nuôi

a) Hỗ trợ một phần chi phí cho việc tháo dỡ, phá hủy, vận chuyển chuồng trại chăn nuôi.

b) Chính sách hỗ trợ được thực hiện sau khi cơ sở chăn nuôi hoàn thành việc tháo dỡ, di dời ra khỏi khu vực không được phép chăn nuôi hoặc chấm dứt hoạt động chăn nuôi có xác nhận của chính quyền địa phương.

c) Mỗi cơ sở thuộc đối tượng điều chỉnh của Nghị quyết này chỉ được hỗ trợ một lần.

d) Ngoài chính sách hỗ trợ tại Nghị quyết này, các đối tượng hỗ trợ được ưu tiên hưởng các chính sách khác của Trung ương, của tỉnh theo quy định nhưng không trùng lắp về nội dung hỗ trợ. Trường hợp trong cùng thời điểm và cùng một nội dung hỗ trợ có nhiều chính sách hỗ trợ khác nhau, đối tượng thụ hưởng được lựa chọn chính sách hỗ trợ có lợi nhất.

3. Nội dung chính sách hỗ trợ di dời cơ sở chăn nuôi ra khỏi khu vực không được phép chăn nuôi hoặc chấm dứt hoạt động chăn nuôi

a) Đối với chăn nuôi quy mô nông hộ (dưới 10 đơn vị vật nuôi): Mức hỗ trợ 3.000.000 đồng/hộ (ba triệu đồng/hộ).

b) Đối với trang trại chăn nuôi quy mô nhỏ (từ 10 đến dưới 30 đơn vị vật nuôi): Mức hỗ trợ 7.000.000 đồng/trang trại (bảy triệu đồng/trang trại).

c) Đối với trang trại chăn nuôi quy mô vừa (từ 30 đến dưới 300 đơn vị vật nuôi): Mức hỗ trợ 12.000.000 đồng/trang trại (mười hai triệu đồng/trang trại).

d) Đối với trang trại chăn nuôi quy mô lớn (từ 300 đơn vị vật nuôi trở lên): Mức hỗ trợ 17.000.000 đồng/trang trại (mười bảy triệu đồng/trang trại).

đ) Đối với nhà yến, mức hỗ trợ 20.000.000 đồng/nhà (hai mươi triệu đồng/nhà).

4. Trình tự thực hiện hỗ trợ

a) Các cơ sở trong diện phải di dời hoặc chấm dứt hoạt động chăn nuôi đăng ký tại Uỷ ban nhân dân cấp xã và có xác nhận của chính quyền địa phương *(Theo mẫu số 01 phụ lục II đính kèm)*.

b) Kê khai hoạt động chăn nuôi với Uỷ ban nhân dân cấp xã tại nơi xây dựng cơ sở chăn nuôi di dời đến *(Theo mẫu số 02 phụ lục II đính kèm)*.

c) Căn cứ báo cáo của Uỷ ban nhân dân cấp xã, Uỷ ban nhân dân cấp huyện thành lập hội đồng gồm các ngành và địa phương có liên quan kiểm tra, tổ chức thẩm định và quyết định hỗ trợ theo thẩm quyền.

5. Nguồn kinh phí thực hiện

Nguồn kinh phí hỗ trợ chính sách di dời cơ sở chăn nuôi, nhà nuôi chim yến ra khỏi khu vực không được phép chăn nuôi hoặc chấm dứt hoạt động chăn nuôi được bố trí từ nguồn ngân sách tỉnh 70%, ngân sách huyện 30%.

Điều 5. Quy định chuyển tiếp

1. Đối với các cơ sở chăn nuôi đã xây dựng và hoạt động trong khu vực không được phép chăn nuôi theo quy định tại Điều 2 của Nghị quyết này phải di dời đến địa điểm chăn nuôi phù hợp hoặc chấm dứt hoạt động chăn nuôi trước ngày 01 tháng 01 năm 2025.

2. Các cơ sở nuôi chim yến xây dựng và hoạt động trước ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành nằm trong khu vực không được phép chăn nuôi quy định tại Điều 2 của Nghị quyết này thì phải giữ nguyên hiện trạng, không được cơi nới và phải đảm bảo theo quy định tại khoản 2 Điều 3 của Nghị quyết này./.

Phụ lục I

KHU VỰC THUỘC NỘI THÀNH CỦA THÀNH PHỐ, THỊ XÃ, THỊ TRẤN, KHU DÂN CƯ KHÔNG ĐƯỢC PHÉP CHĂN NUÔI TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 24/2022/NQ-HĐND ngày 08/12/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế)

TT	Khu vực không được phép chăn nuôi	
I	**Thành phố Huế**	
1	Phường	An Cựu, Phú Hậu, Phú Nhuận, Phú Hội, Phước Vĩnh, Phường Đúc, Tây Lộc, Thuận Hòa, Thuận Lộc, Trường An, Vĩnh Ninh, Gia Hội, Đông Ba, Vỹ Dạ, Xuân Phú, An Đông, Hương Sơ, Kim Long, An Hòa, Phú Thượng, Thuận An, Thủy Vân, Thủy Biều.
2	Khu vực khác	- Khu dân cư tập trung, an ninh quốc phòng, trung tâm văn hóa, y tế, công sở, trường học, chợ, cơ sở tín ngưỡng, di tích, đền đài tưởng niệm: Cách 100 mét. - Khu vực khoanh vùng bảo vệ đối với di tích đã được xếp hạng và di tích thuộc danh mục kiểm kê được phê duyệt. - Khu vực dọc sông: Cách 100 mét từ bờ. - Khu vực dọc các tuyến Quốc lộ: Cách 100 mét tính từ lộ giới. - Khu vực dọc các tuyến tỉnh lộ: Cách 50 mét tính từ lộ giới.
II	**Thị xã Hương Trà**	
1	Phường	- Tứ Hạ: Tổ dân phố 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9. - Hương Xuân: Tổ dân phố Liễu Nam, Trung Thôn, Xuân Tháp, Thanh Tiên, Thanh Lương 2,3,4.
2	Khu vực khác	- Khu dân cư tập trung, khu quy hoạch và tái định cư mới, các cụm công nghiệp, trung tâm văn hóa, y tế, công sở, trường học, chợ, cơ sở tín ngưỡng, di tích, đền đài tưởng niệm: Cách 100 mét. - Khu vực dọc sông Bồ: cách 100 mét từ bờ sông. - Khu vực dọc tuyến tỉnh lộ: Cách 50 mét tính từ lộ giới. - Khu vực dọc tuyến Quốc lộ: Cách 100 mét từ lộ giới. - Khu vực dọc tuyến Cao tốc: Cách 150 mét từ lộ giới.
III	**Thị xã Hương Thủy**	
1	Phường, xã	- Phường Phú Bài: Tổ 2, 3, 4, 5, 7, 9, 10; Tổ 1, 6, 8: cách 500m từ đường Trưng Nữ Vương vào hướng tây.
		- Cách 100 mét từ các Khu dân cư tập trung, khu quy hoạch, trung tâm văn hóa, y tế, công sở, trường học, chợ, cơ sở tín ngưỡng, di tích, đền đài tưởng niệm các phường, xã: Thủy Dương (tổ 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11), Thủy Châu (tổ 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10), Thủy Lương (tổ 1, 3, 6), Thủy Phương (tổ 1, 3, 5, 6, 7, 8, 11), Phú Sơn (thôn 1, 2, 3, 4), Thủy Thanh (thôn Thanh Toàn, Lang Xá Cồn, Vân Thê Đập), Thủy Tân

		(thôn Tân Tô, Chiết Bi), Thủy Phù (thôn 1A, 1B, 3, 5, 8B, 9), Dương Hòa (thôn Khe Sòng, Hộ, Hạ, Buồng Tằm, Thanh Vân).
2	Khu vực khác	- Khu quy hoạch sân bay, công nghiệp. - Khu du lịch thôn Hòa Phong, Đồn Sầm, Cầu ngói Thanh Toàn và các điểm di tích. - Khu vực dọc tuyến tỉnh lộ: Cách 50m từ lộ giới. - Khu vực dọc tuyến Quốc lộ: Cách 100m từ lộ giới. - Khu vực dọc 2 bên sông Tả Trạch, suối Đá Dăm, thác Chín Chàng, Hồ chứa nước Tả Trạch : Cách 100m từ bờ.
IV	**Huyện Quảng Điền**	
1	Thị trấn Sịa	- Tổ dân phố Vĩnh Hòa. - Tổ dân phố Khuôn Phò Nam: Khu dân cư Cồn Kêu. - Tổ dân phố An Gia: Khu quy hoạch dân cư phía bắc Nhà văn hóa huyện.
2	Khu vực khác	- Khu vực du lịch cộng đồng Ngư Mỹ Thạnh, khu vực Cồn Tộc xã Quảng Lợi. - Khu dân cư tập trung, trung tâm văn hóa, y tế, công sở, trường học, chợ, cơ sở tín ngưỡng, các di tích, đền đài tưởng niệm, khu lưu niệm đại tướng Nguyễn Chí Thanh, khu lưu niệm nhà thơ Tố Hữu: Cách 100 mét. - Khu vực ven biển, đầm phá: Cánh 100 mét từ bờ.
V	**Huyện Phong Điền**	
1	Thị trấn Phong Điền	- Tổ dân phố Trạch Thượng 1, Trạch Thượng 2, Tân Lập. - Tổ dân phố Khánh Mỹ: Giới hạn bởi Trục đường Vân Trạch Hòa và trục đường DD6 về phía Đông đến hết ranh giới của tổ.
2	Khu vực khác	- Khu dân cư tập trung, khu công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp: Cách 100 mét. -Trung tâm văn hóa, y tế, công sở, trường học, chợ, cơ sở tín ngưỡng, di tích, đền đài tưởng niệm, nhà lưu niệm: Cách 100 mét. - Khu vực dọc tuyến tỉnh lộ: Cách 50 mét từ lộ giới. - Khu vực dọc các sông Bồ, sông Ô Lâu: Cách 100 mét từ bờ. - Khu vực dọc tuyến quốc lộ: Cách 100 mét từ lộ giới. - Khu vực ven biển, đầm phá: Cánh 100 mét từ bờ.
VI	**Huyện Phú Vang**	
1	Xã	- Phú Mỹ: Khu đô thị Mỹ Thượng. - Phú An: Xóm 1, 2 ,3, 4, 5, 6 thôn Thủy Triều

2	Khu vực khác	- Khu dân cư tập trung, khu quy hoạch, trung tâm văn hóa, y tế, công sở, trường học, chợ, cơ sở tín ngưỡng, di tích, đền đài tưởng niệm: Cách 100 mét. - Khu vực dọc tuyến Quốc lộ: Cách 100m từ lộ giới. - Khu vực dọc tuyến tỉnh lộ: Cách 50m từ lộ giới. - Khu vực dọc tuyến các sông: Cách 100m từ bờ. - Khu vực ven biển, đầm phá: Cách 100m từ bờ.
VII	**Huyện Phú Lộc**	
1	Các khu vực	- Khu dân cư tập trung, trung tâm văn hóa, y tế, công sở, trường học, chợ, cơ sở tín ngưỡng, di tích, đền đài tưởng niệm, nhà lưu niệm, bến cảng, khu quy hoạch du lịch, khu công nghiệp: Cách 100 mét. - Khu vực dọc tuyến quốc lộ: Cách 100 mét từ lộ giới. - Khu vực dọc tuyến tỉnh lộ: Cách 50 mét từ lộ giới. - Khu vực dọc các Sông Nong, sông Truồi, sông Cầu Hai, sông Nước Ngọt, sông Thừa Lưu, sông Bù Lu: Cánh 100 mét từ bờ. - Khu vực ven biển, đầm phá Cầu Hai, đầm Lập an: Cánh 100 mét từ bờ.
VIII	**Huyện Nam Đông**	
1	Thị trấn Khe Tre	- Tổ dân phố 1, 2, 3, 4, 5.
2	Khu vực khác	- Khu dân cư tập trung, trung tâm văn hóa, y tế, công sở, trường học, cơ sở tín ngưỡng, di tích, đền đài tưởng niệm, nhà lưu niệm, khu quy hoạch du lịch: Cách 50 mét. - Khu vực dọc tuyến tỉnh lộ: Cách 50 mét từ lộ giới. - Khu vực dọc các sông, suối lớn: Cách 100 mét từ bờ.
IX	**Huyện A Lưới**	
1	Thị trấn A Lưới	- Tổ dân phố 4: Tổ dân cư 1, 3, 5, 6, 7. - Tổ dân phố 5: Tổ dân cư 2, 4, 5, 6. - Tổ dân phố số 6: Tổ dân cư 9, 10, 11, 12.
2	Khu vực khác	- Khu dân cư tập trung, trung tâm văn hóa, y tế, công sở, trường học, chợ, cơ sở tín ngưỡng, di tích, đền đài tưởng niệm, nhà lưu niệm, khu quy hoạch du lịch: Cách 50 mét.

Phụ lục II

ĐĂNG KÝ HỖ TRỢ DI DỜI HOẶC CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG CHĂN NUÔI

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 24/2022/NQ-HĐND ngày 08/12/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế)

Mẫu số 01

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

……....., ngày……tháng……năm……

ĐƠN ĐỀ NGHỊ
V/v hỗ trợ di dời cơ sở chăn nuôi hoặc chấm dứt hoạt động chăn nuôi

Kính gửi:……..…….

Tên tổ chức, cá nhân:…….……...
Địa chỉ: .....
Điện thoại: ……..…… Fax…… Email: .....
Địa chỉ cơ sở chăn nuôi: .....
Ngày, tháng, năm bắt đầu hoạt động chăn nuôi:……
Quy mô chăn nuôi: …….....con
Hình thức chăn nuôi (trang trại quy mô lớn, trang trại quy mô nhỏ, trang trại quy mô vừa, nông hộ):……...
Thời điểm hoàn thành việc di dời cơ sở chăn nuôi hoặc chấm dứt hoạt động chăn nuôi:……

Căn cứ chính sách tại Nghị quyết ……/NQ-HĐND của HĐND tỉnh ngày …/../20… Quy định khu vực thuộc nội thành của thành phố, thị xã, thị trấn, khu dân cư không được phép chăn nuôi, quy định vùng nuôi chim yến và chính sách hỗ trợ khi di dời cơ sở chăn nuôi ra khỏi khu vực không được phép chăn nuôi trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế, kính đề nghị ……. xem xét hỗ trợ chi phí di dời chuồng trại chăn nuôi hoặc chấm dứt hoạt động chăn nuôi với tổng kinh phí là:……đồng.

Bằng chữ:……

Cơ sở xin cam kết:

1. Tính chính xác của những thông tin trên đây.
2. Chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật Việt Nam.

XÁC NHẬN CỦA CHÍNH QUYỀN ĐỊA PHƯƠNG (Xã, Phường, Thị trấn)	**NGƯỜI LÀM ĐƠN** *(Ký, ghi họ tên)*

Mẫu số 02

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

KÊ KHAI HOẠT ĐỘNG CHĂN NUÔI

Tên chủ hộ:.....
Địa chỉ:.....
Số điện thoại: …….

Số TT	Loại vật nuôi trong quý	Đơn vị tính	Số lượng nuôi trong quý	Mục đích nuôi	Thời gian bắt đầu nuôi	Dự kiến thời gian xuất	Số lượng vật nuôi xuất trong quý (con)	Sản lượng vật nuôi xuất trong quý (kg)	Ghi chú
1									
2									
...									

……,Ngày …… tháng ……. năm …..
Họ và tên chủ hộ
(Ký, ghi rõ họ tên)